TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 6 - 2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thái

Ông Lò Văn Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2024/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Giang Thị H;** Nơi thường trú: Xóm 3, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: **Ông Nguyễn Văn Đ**; Nơi thường trú: Tổ dân phố 04, phường Th, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/2/2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà Giang Thị H và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La vào ngày 21/12/2012. Do hai vợ chồng không có con chung nên thiếu sự gắn kết, sẻ chia. Mặt khác, ông Đ vi phạm pháp luật, bị bắt tạm giam sau đó bị Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử tuyên phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 22/4/2019. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đang chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu, cục C10, Bộ công an nhưng đến phiên toà hôm nay, ông Đ đã chấp hành án phạt tù xong

trở về địa phương sinh sống nhưng do vợ chồng đã sống ly thân quá lâu nên đã không còn tình cảm, bản thân bà H đang cư trú ở Sơn La không còn duy trì cuộc sống chung với ông Đ. Do vậy, bà H đề nghị Toà án cho ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết và tại phiên toà bị đơn trình bày:

Về việc kết hôn đúng như bà H trình bày. Hai vợ chồng kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 21/12/2012 tại UBND xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn hai người không có con chung. Đến tháng 12/2018, ông Đ bị bắt tạm giữa tạm giam sau đó bị TAND thành phố Điện Biên Phủ xét xử, tuyên phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 22/4/2019. Đến nay ông Đ đã chấp hành án phạt tù xong trở về địa phương sinh sống nhưng do vợ chồng đã sống ly thân quá lâu nên đã không còn tình cảm, bản thân bà H đang cư trú ở Sơn La còn ông cư trú ở Điện Biên, không còn duy trì cuộc sống chung với nhau. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ông Đ đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án nhưng không có ý kiến trả lời bằng văn bản do đang chấp hành án trong trại giam. Tại phiên toà ông Đ không có ý kiến gì, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 15/3/2024, Toà án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và phôtô đơn khởi kiện cùng tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho ông Đ biết. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo thụ lý vụ án, ông Đ không có ý kiến trả lời bằng văn bản cho Tòa án. Toà án tiến hành tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án cho ông Đ nhưng do ông Đ đang chấp hành án tại trại giam Nà Tấu nên không tham gia phiên họp, bà H có ý kiến Toà án không tiến hành hoà giải do tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 04/4/2024, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã ra quyết định xét xử, tống đạt hợp lệ ông Đ nhưng ông Đ vắng mặt do đang chấp hành án trong trại giam. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất và tiến hành tống đạt quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Trong đó, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Đ; về con chung không có, không yêu cầu; về tài sản và nợ không có, không yêu cầu giải quyết. Bị đơn không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung cũng như tài sản và nợ nhất trí không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, Toà án xác định đây là vụ án Tranh chấp ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại tổ dân phố 04, phường Th, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về điều luật áp dụng: Bà H và ông Đ kết hôn năm 2012 nên Toà án sẽ áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để áp dụng giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông Đ kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La trên tinh thần tự nguyên nên theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, hôn nhân trên là hợp pháp.

Theo lời khai của bà H và Đơn đề nghị xác nhận tình trạng hôn nhân do bà H cung cấp có chính quyền địa phương xác nhận: Quá trình ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì lâm vào mâu thuẫn do ông Đ vi phạm pháp luật bị kết án 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý nên hai ông bà không còn duy trì cuộc sống chung, không thể quan tâm và chăm sóc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do ông Đ vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy. Bà H cung cấp cho Toà án bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 22/4/2019 của Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ trong đó tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 07 (bảy) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/12/2018. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đang chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu, đến phiên toà hôm nay, ông Đ đã chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương sinh sống nhưng hai ông bà vẫn không sống chung cùng nhau, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định ông Đ đã vi phạm pháp luật, vi phạm nghĩa vụ của người chồng, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với bà H. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị H, giải quyết cho ly hôn giữa bà H với ông Đ.

[4.2] Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4.3] Về tài sản: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, nguyên đơn bà Giang Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 19, khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Giang Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ: Đương sự không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Giang Thị H phải chịu phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000933 ngày 06/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ. Bà Giang Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/6/2024).

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- UBND xã M, H.Q, T.Sơn La (Nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Thu Trà